| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN Đ**<br>TỈNH Đ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: **91**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27-7-2023
V/v "Ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ - TỈNH Đ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Trương Thị Thịnh**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Hoàng Luật** và bà **Trần Thúy Nga**

*Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Huyền Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đ.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Đ tham gia phiên tòa:*** Ông **Nguyễn Hữu Thọ** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2023/TLST-HNGĐ ngày 22/02/2023, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 84/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Bé T, sinh năm: 1974
- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm: 1982

Cùng địa chỉ: Khu 5, ấp Phú Thọ, xã Phú Cường, huyện Đ, tỉnh Đ.

(Ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà T vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/11/2022, lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn ông Nguyễn Văn Bé T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà T tự nguyện kết hôn với nhau được UBND xã Phú Cường, huyện Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/3/2020, trước khi kết hôn hai người đã lập gia đình sau đó đã ly hôn. Sau khi kết hôn ông chung sống với bà T và con riêng của bà T nhưng cuộc sống không hạnh phúc vì hai bên đều không quên được quá khứ, thường so sánh cuộc sống hiện tại và quá khứ nên vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi vã. Nay ông T không còn tình cảm với bà T và quan hệ hôn nhân không thể hàn gắn nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà T.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung*:* Ông T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để làm việc vì vậy không có lời khai hay lời trình bày của bà T.*

Để chứng minh cho yêu cầu, ý kiến của mình, nguyên đơn đã nộp kèm theo đơn khởi kiện những tài liệu chứng cứ sau: Bản sao căn cước công dân ông T và sổ hộ khẩu; Bản chính giấy xác nhận thông tin cư trú và giấy chứng nhận kết hôn; Lời khai của nguyên đơn tại bản tự khai; Đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp Tòa án đã tiến hành sao gửi hợp lệ cho bị đơn.

Để giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành thu thập những tài liệu, chứng cứ sau: Biên bản xác minh ngày 10/5/2023 về tình trạng hôn nhân của các đương sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn không tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận cho ông Nguyễn Văn Bé T ly hôn với bà Nguyễn Thị Thùy T.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông T trình bày không có không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn Bé T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Thùy T. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này được xác định là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy T có nơi cư trú tại: Ấp Phú Thọ, xã Phú Cường, huyện Đ, tỉnh Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Bé T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa ông T, bà T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Cường, huyện Đ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/3/2020, do đó đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ.

[4] Đời sống hôn nhân của ông T, bà T không hạnh phúc và mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo kết quả xác minh tại địa phương thể hiện là do ông T không chung thủy, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và hiện đã sống ly thân. Do đó vợ chồng không ai quan tâm đến ai, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng.

[5] Lời khai của nguyên đơn về quá trình chung sống của vợ chồng phù hợp với biên bản xác minh. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông T. Vì vậy có đủ cơ sở xác định vợ chồng ông T, bà T đã có những mâu thuẫn lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn.

[6] Từ lời khai của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ thu thập được nhận thấy ông T, bà T trong quá trình sống chung đã không tôn trọng, thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình yêu cầu ly hôn của ông T đối với bà T là có cơ sở chấp nhận.

[7] Về con chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[8] Về tài sản chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết; về nợ chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết. Đối với bà T nếu có yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung với ông T có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[9] Về án phí: Ông T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó ông phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[10] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều 19, 51, 56 và Điều 131 của Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Bé T về việc "Ly hôn" đối với bà Nguyễn Thị Thùy T.

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Bé T được ly hôn bà Nguyễn Thị Thùy T.

**2.** Về nuôi con chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

**3.** Về tài sản chung: Tòa án không xem xét, giải quyết; về nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết. Khi nào có tranh chấp về chia tài sản chung và nợ chung sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

**4.** Về án phí: Ông Nguyễn Văn Bé T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000 đồng ông T đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0004115 ngày 22/02/2023 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh Đ được chuyển thành án phí. Ông T đã nộp đủ án phí.

**5.** Về quyền kháng cáo: Ông T, bà T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THA huyện Đ;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Phú Cường;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Thị Thịnh**